

Bản án số: /2022/DS-ST  
Ngày 29/9/2022  
V/v tranh chấp  
“Hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng  
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú  
2. Bà Phan Thị Ánh Duyên  
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.  
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn T Nga - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1967 (*Có mặt*)  
Địa chỉ: Khu V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.  
*Bị đơn:* Vợ chồng anh Hà Mạnh D, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.  
Cùng địa chỉ: Khu Xóm D, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.  
(*Anh D và chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện; các lời khai tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:*

Do có quan hệ quen biết từ trước, trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, anh Hà Mạnh D có mua thức ăn gia súc của ông để chăn nuôi gà; mỗi lần ông bán thức ăn gia súc cho anh D, ông có ghi lại vào một cuốn sổ ghi chép toàn bộ số tiền anh D mua hàng tính thành tiền, anh D T toán tiền mua, nếu nợ lại thì ghi rõ khoản tiền còn nợ và anh D ký nhận. Những lần anh D mua hàng tiếp theo thì ghi ngày tháng, số hàng nhận mới, tính ra thành tiền, số tiền anh D còn nợ cũ thành tổng nợ, sau đó trừ đi số tiền anh D T toán tại ngày nhận hàng đó và số tiền còn nợ lại và anh D trực tiếp ký nhận vào sổ giao hàng.

*Gồm các ngày như sau:*

Ngày 15/5/2015 anh D nhận hàng thức ăn chăn nuôi ông giao trị giá 137.040.000đồng; đến ngày 29/5/2015 anh D trả cho ông N được 10.000.000đồng, còn nợ lại là 127.040.000đồng.

Ngày 11/9/2015, sau khi giao hàng, giữa ông và anh D đã thống nhất tính, anh D nợ tiền hàng là 192.497.000đồng; đến ngày 16/10/2016, anh D trả được tổng cộng 40.000.000đồng, còn nợ lại 132.497.000đồng.

Ngày 25/10/2015 và ngày 21/12/2016, anh D tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi của tôi và hai bên thống nhất số tiền anh D còn nợ là 163.017.000đồng.

Ngày 22/02/2016 (âm lịch) anh D trả được 20.000.000đồng, còn nợ lại 143.017.000đồng sau đó hai bên thỏa thuận, anh D phải trả lãi tính từ ngày 01/4/2016 (âm lịch) anh D còn nợ là 143.017.000đồng và anh D phải chịu lãi 0,8%/tháng tính từ ngày tiếp theo sau đó anh D ký nhận, ghi rõ họ tên của mình vào sổ của ông.

Sau đó anh D trả được thêm cho ông hai lần tiền là ngày 27/12/2016 số tiền là 20.000.000đồng và ngày 28/12/2018, anh D trả tiếp cho ông được 8.000.000đồng. Như vậy, số tiền gốc anh D còn nợ là 115.017.000đồng.

Về số tiền lãi: Ngày 22/02/2016 (âm lịch) hai bên thỏa thuận lãi suất tính từ ngày 01/4/2016 là 0,8%/tháng. Tại đơn khởi kiện ông có yêu cầu anh D, chị T phải trả tiền lãi tạm tính là 77.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông N trình bày: Do anh D cũng gặp nhiều khó khăn, chưa trả được số tiền nợ gốc nên ông chỉ đề N anh D phải trả số tiền còn nợ gốc và không yêu cầu phải trả khoản tiền nợ lãi như đơn khởi kiện ông đã đề N.

Tại đơn khởi kiện, ông khởi kiện cả vợ anh D là chị Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, ông cũng cho rằng trong quá trình ông bán thức ăn chăn nuôi cho anh D thì chỉ một mình ông và anh D tham gia giao dịch. Vì vậy, ông chỉ đề N anh D có trách nhiệm trả riêng đối với khoản tiền còn nợ 115.017.000đồng.

*Tại biên bản trình bày, biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2022 và tại biên bản lấy lời khai tiếp theo bị đơn anh Hà Mạnh D có quan điểm trình bày:*

Anh thừa nhận, trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, giữa anh và ông Nguyễn Hữu N có thỏa thuận bằng miệng với nhau về việc hợp tác trong chăn nuôi như sau: Anh sẽ bỏ chi phí mua giống vật nuôi; thuốc trị bệnh cho vật nuôi và bỏ công sức ra để chăn nuôi gia cầm; còn ông N sẽ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho anh để anh trực tiếp chăn nuôi. Kết quả mỗi đợt chăn nuôi, đến thời gian bán được sản phẩm sau khi trừ đi chi phí của các bên, nếu có lãi thì hai bên chia nhau nếu kết quả bán sản phẩm mà thua lỗ thì cùng chịu, cụ thể: Anh sẽ phải chịu lỗ các chi phí anh bỏ ra, còn ông N phải chịu lỗ số tiền thức ăn chăn nuôi ông N đầu tư đã giao cho anh và thỏa thuận giữa anh và ông N không liên quan đến chị T (vợ anh) cũng như bất cứ ai khác.

Đề cân đối các khoản thu – chi trong chăn nuôi, giữa ông N có lập sổ theo dõi giao thức ăn chăn nuôi cho anh như ông N đã cung cấp cho Tòa án. Anh thừa nhận chữ ký D và chữ viết “Hà Mạnh D” trong sổ theo dõi ông N đã cung cấp cho Tòa án là đúng chữ ký chữ viết của anh, nhưng việc anh ký là thừa nhận cân đối mỗi lần chăn nuôi thua lỗ phía ông D phải chịu. Đến thời điểm cuối cùng thì số

tiền thức ăn phía ông N phải tự chịu lỗ là 115.017.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

Ông N khởi kiện cho rằng anh mua thức ăn chăn nuôi của ông N, đến nay còn nợ số tiền gốc 115.017.000 đồng là không đúng, vì nếu anh mua thức ăn chăn nuôi của ông N thì ông N phải cung cấp được hóa đơn bán hàng cho anh chứng minh anh còn nợ. Việc anh ký vào Sổ theo dõi của ông N cung cấp chỉ để xác định phía ông N phải chịu lỗ trong quá trình hợp tác giữa hai bên nên anh không nhất trí trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông N.

*Tại bản tự khai ngày 06/9/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị hoàn toàn không biết việc làm ăn giữa ông N và chồng chị là anh D diễn ra cụ thể như thế nào, vì vào khoảng thời gian từ 2014 đến 2016, chị không ở cùng nhà với anh D. Nay ông N khởi kiện chị và anh D thì chị đề N giải quyết việc của ông N đề N theo quy định của pháp luật và chị cho rằng chị không liên quan nên chị đề N không báo chị đến để làm việc.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử N án của của nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn anh Hà Mạnh D không tham gia hòa giải nhưng có đề N xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Đề N Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 431, 433, 434, 436 440, 357, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N. Buộc anh Hà Mạnh D phải trả cho ông Nguyễn Hữu N số tiền 115.017.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

- Buộc anh Hà Mạnh D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật và trả lại tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Hữu N đã nộp.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:*

*[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Ông Nguyễn Hữu N khởi kiện anh Hà Mạnh D phải trả lại cho ông số tiền thức ăn chăn nuôi anh D còn nợ, là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán mua bán tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

Tòa án đã giao quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh D; quyết định hoãn đã ấn định rõ thời gian mở phiên tòa, nhưng anh D vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D là thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung vụ án:*

*Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N đề N anh Hà Mạnh D có trách nhiệm trả cho ông tiền mua thức ăn chăn nuôi năm 2016 chưa trả 115.017.000 đồng thấy rằng:*

Quá trình giải quyết vụ án, Anh D cho rằng giữa anh và ông N chỉ thỏa thuận hợp tác chăn nuôi giữa hai bên. Anh thừa nhận ký sổ theo dõi của ông N để anh xác nhận giá trị thức ăn chăn nuôi ông N giao cho anh. Tuy nhiên, căn cứ sổ theo dõi ông N cung cấp thể hiện, mỗi lần ông N giao thức ăn chăn nuôi cho anh D thì đều ghi rõ số lượng bao nhiêu với đơn giá thành tiền và anh D ký nhận và ghi rõ số tiền mỗi lần anh D nhận hàng đã trả một phần và phần còn nợ lại tại bức lục số 32 và bút lục số 33. Tại sổ ghi chép ông D cung cấp còn thể hiện các bên thỏa thuận lãi suất của số tiền còn nợ mức 0,8%/tháng, tính từ ngày 01/4/2016. Chứng cứ ông N cung cấp phù hợp với lời trình bày của ông N và phù hợp quy định của pháp luật quy định về hợp đồng mua bán tài sản, quy định tại điều 430, 431, 434, 436 và Điều 440 của bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong khi đó, anh D cho rằng: Giữa anh và ông D thỏa thuận hợp tác chăn nuôi, anh đầu tư con giống, thuốc chăn nuôi, chuồng nuôi và công chăm sóc; ông N đầu tư thức ăn chăn nuôi nhưng anh D thừa nhận hai bên chỉ thỏa thuận hợp tác với nhau bằng miệng, ngoài ra không có chứng cứ nào khác để chứng minh nhưng không được ông N thừa nhận.

Như vậy, căn cứ vào chứng cứ là sổ ghi chép nội dung giao nhận thức ăn chăn nuôi ông N cung cấp được anh D thừa nhận các chữ ký nhận của anh trong sổ ghi chép, có đủ cơ sở để xác định: Năm 2016, ông Nguyễn Hữu N nhiều lần bán thức ăn chăn nuôi cho anh Hà Mạnh D; mỗi lần nhận hàng anh D đều ký xác nhận, tính đến ngày 28/12/2018, anh D còn nợ của ông N số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 115.017.000đ (Một trăm mười bảy triệu không trăm mười bảy nghìn đồng), đến nay anh D chưa trả. Vì vậy, phải buộc anh D có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho ông N.

Tại đơn khởi kiện ông N xác định bị đơn gồm cả chị T là vợ anh D. Tuy nhiên chị T, anh D và ông N đều xác định chị không tham gia giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với ông N và ông N có quan điểm trình bày không khởi kiện đối với chị T, chỉ khởi kiện anh D nữa. Xét thấy quan điểm của ông N không khởi kiện

chị T, chỉ khởi kiện anh D là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận đề N của ông N.

Tại đơn khởi kiện, ông N còn đề N anh D phải trả lãi số tiền gốc chậm trả 77.000.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông N xác định anh D khó khăn, chưa trả được khoản tiền nợ gốc nên chỉ đề N anh D phải trả hết tiền gốc và không yêu cầu khoản tiền nợ lãi nữa. Xét thấy việc ông N không đề N anh D phải trả lãi là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ông N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 434, 436 440, 357, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

*Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N đối với anh Hà Mạnh D.

Buộc anh Hà Mạnh D phải trả cho ông Nguyễn Hữu N số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ 115.017.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. *Về án phí:* Buộc anh Hà Mạnh D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Hữu N số tiền tạm ứng án phí 4.575.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007690 ngày 07/6/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Ông N có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Mạnh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề N Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKS huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hán Hưởng**